

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Liêu Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nhiêu Phước H, sinh ngày 01-01-1980 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ E, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Kiều Ngọc T, sinh ngày 07-3-1980 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ E, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai ngày 01-4-2024; quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nhiêu Phước H trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông Kiều Ngọc T kết hôn vào năm 2004, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang số 275, Quyển số 02, ngày 18-10-2005. Sau khi cưới vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, sau đó đến năm 2006 vợ chồng về sống bên vợ, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng hơn năm nay thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu kiếm chuyện cự cãi, không lo làm ăn. Tháng 8/2023 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm

với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông Kiều Ngọc T.

+Về con chung: Có 03 con chung tên Kiều Thành C, sinh ngày 03-01-2006; Kiều Công M, sinh ngày 16-5-2011 và Kiều Thị Diệu H1, sinh ngày 09-5-2018, hiện bà đang nuôi con. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Kiều Ngọc T trình bày:

+Về hôn nhân: Ông và bà Nhiêu Phước H kết hôn vào năm 2004, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang số 275, Quyển số 02, ngày 18-10-2005. Sau khi cưới vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, sau đó đến năm 2006 vợ chồng về sống bên vợ, vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, ông có uống rượu nhưng không kiếm chuyện hay cự cãi với vợ; ông chí thú làm ăn nhưng từ tết đến nay do công việc không ổn định nên không gửi tiền về cho vợ lo cho gia đình; hiện nay ông đã về nhà sinh sống lo làm ăn lo cho gia đình. Nay bà H xin ly hôn, ông nhận thấy còn tình cảm với bà H, cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, mục đích hôn nhân vẫn đạt được nên không đồng ý ly hôn với bà Nhiêu Phước H; ông yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

+Về con chung: Có 03 con chung tên Kiều Thành C, sinh ngày 03-01-2006; Kiều Công M, sinh ngày 16-5-2011 và Kiều Thị Diệu H1, sinh ngày 09-5-2018, hiện bà H1 đang nuôi con. Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ ghi ý kiến ngày 01-4-2024, cháu Kiều Công M trình bày: Mẹ cháu Nhiêu Phước H, sinh năm 1980 và cha Kiều Ngọc T, sinh năm 1980; cùng thường trú: Tổ E, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Hôm nay cháu được biết mẹ cháu có gửi đơn xin ly hôn với ba cháu là Kiều Ngọc T. Hiện cháu đang học lớp 7 trường Trung học cơ sở V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Mẹ và ba cháu ly hôn, theo nguyện vọng cháu mong muốn được sống với mẹ cháu có điều kiện đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Bà H và ông T kết hôn vào năm 2004, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang số 275, Quyển số 02, ngày 18-10-2005 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà H có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà H và ông T, nhưng ông T không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Xét thấy: Quá trình chung sống giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu kiếm chuyện cự cãi, không lo làm ăn. Từ tháng 8/2023

bà H và ông T sống ly thân cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay cả bà H và ông T đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà H được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Bà H và ông T có 03 con chung, hiện bà H đang nuôi con, 01 cháu đã trưởng thành; khi ly hôn cả bà H và ông T đều có yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy: Cháu M đã trên 13 tuổi, có nguyện vọng sống với bà H; cháu H chỉ hơn 6 tuổi hiện bà H đang nuôi con chu đáo. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao bà H được tiếp tục nuôi con.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà H trình bày không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Cả bà H và ông T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005033 ngày 24-10-2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn bà H, bị đơn ông T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-01-2025).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Nhiêu Phước H được ly hôn với ông Kiều Ngọc T.

[2] *Về con chung*: Bà Nhiêu Phước H được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Kiều Thành C, sinh ngày 03-01-2006; Kiều Công M, sinh ngày 16-5-2011 và Kiều Thị Diệu H1, sinh ngày 09-5-2018

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nhiêu Phước H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005033 ngày 24-10-2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nhiêu Phước H, bị đơn ông Kiều Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-01-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (đề thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà